

Bản án số: 203/2022/DSST

Ngày: 27/9/2022

V/v: “T/c về thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Bảy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Hoàng
2. Bà Vũ Thị Hiệp

- *Thư ký phiên tòa:* Phạm Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Võ Văn Tánh – Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2020/TLST-DS ngày 02/11/2020, về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-DS ngày 01/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2022/QĐST-DS ngày 25/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 244/1/26 PĐ, Phường R, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền: Ông Hà Văn Q theo văn bản ủy quyền ngày 23/7/2020

Địa chỉ: 38/3 NVT, Phường Q, Quận PN, Tp Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Đàm Bảo H- Luật sư VPLS Đàm Bảo H thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 70 đường THĐ, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Duy K, sinh năm 1976

Địa chỉ: 4/19 Đường 129, phường PL A, Thành phố TĐ, TPHCM.

Theo văn bản ủy quyền ngày 23/9/2022

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lê Thị Q, sinh năm 1966;

Địa chỉ: 79/34A12 THĐ, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Lê Phụng L, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp 2, xã TQT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Lê Phụng Đ, sinh năm 1972;

4/ Ông Nguyễn Hồng K, sinh năm 1977;

5/ Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: 78/44 THĐ, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Bà Nguyễn Thị Như V, sinh năm 1982 chết năm 2012 có 02 con tên Đỗ Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/5/2011 và Đỗ Nguyễn Minh C, sinh ngày 13/10/2012; và chồng tên Đỗ Văn B, trẻ T và C có ông Đỗ Văn B là người đại diện theo pháp luật)

Địa chỉ: Số 78/44 THĐ, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1981;

8/ Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1983;

9/ Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: 70 THĐ, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

10/ Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 78/32 THĐ, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

11/ Bà Nguyễn Thanh Kim L, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 78/36 THĐ, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

12/ Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 172/3C THĐ, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

13/ Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: 202/9 LTK, Phường P, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào Đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B có ông Hà Văn Q là người đại diện hợp pháp trình bày:

Bà B yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị N, cụ N chết năm 2013, không để lại di chúc; cụ N có 3 người con: Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn R - chết năm 2015, ông Nguyễn Văn T - chết năm 2020.

Theo bản án dân sự phúc thẩm số 473/2020/DS-PT ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thì di sản thừa kế của cụ N gồm có:

1. Quyền sử dụng đất có diện tích 74,5 m² thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 36 tại địa chỉ 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và hiện đang do bà Đỗ Thị T quản lý, sử dụng.

2. Số tiền 90.743.000 (chín mươi triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn) đồng tiền bồi thường giải tỏa phần trước căn nhà 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6, hiện đang do bà Đỗ Thị T quản lý.

Những người thừa kế của cụ N gồm có: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960; Ông Nguyễn Văn R, đã chết năm 2015; Ông Nguyễn Văn T, đã chết năm 2020.

Kể từ ngày bản án dân sự phúc thẩm số 473/2020/DS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực và xác định các tài sản trên là di sản của bà Nguyễn Thị N, các hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị N không thương lượng, hòa giải để giải quyết phần di sản của bà N để lại.

Nay bà B yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 6 chia thừa kế như sau:

1. Chia giá trị Quyền sử dụng đất có diện tích 74,5 m² thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 36, địa chỉ 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6, làm 03 phần cho ba người con.

2. Chia số tiền 90.743.000 (chín mươi triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn) đồng là tiền bồi thường giải tỏa phần trước căn nhà 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6) thành 3 phần cho 3 người con của cụ N.

Bà B không đồng ý với giá mà Hội đồng định giá của UBND Quận 6 đã định giá ngày 14/4/2022 với giá là 4.082.242.600 đồng và đề nghị Tòa án chấp nhận giá theo Chứng thư thẩm định giá ngày 10/6/2022 do Công ty cổ phần thẩm định giá Việt, trị giá tài sản là 11.171.300.000 đồng.

Do hai bên không thống nhất về giá nhà nên tại phiên tòa, bà B yêu cầu Hội đồng xét xử căn cứ giá do Hội đồng định giá của UBND Quận 6 đã định giá ngày 14/4/2022 với giá là 4.082.242.600 đồng làm căn cứ để chia thừa kế, cụ thể phần yêu cầu của bà B tạm tính như sau:

Phần giá trị nhà và đất:

4.082.242.600 đồng : 3 (người con) = 1.360.747.500 đồng/ phần

Tiền bồi thường giải tỏa phần trước căn nhà 70 Tân Hòa Đông:

90.743.000 đồng : 3 (người con) = 30.247.600 đồng/phần

Tổng số tiền bà B yêu cầu chia là: 1.390.995.100 đồng

Những người thừa kế của ông Nguyễn Văn R, đã chết năm 2015, có những người thừa kế của ông R:

- Bà Lê Thị Q, sinh năm 1966; ông Lê Phụng L, sinh năm 1968; ông Lê Phụng Đ, sinh năm 1972; Ông Nguyễn Hồng K, sinh năm 1977; Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1980; Bà Nguyễn Thị Như V, sinh năm 1982 – chết năm 2012 (người thừa kế của bà V: Trẻ Đỗ Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/5/2011 và trẻ Đỗ Nguyễn Minh C, sinh ngày 13/10/2012 và chồng là Đỗ Văn B; ông Ba là người đại diện theo pháp luật của trẻ T và C).

Những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T, đã chết năm 2020, có những người thừa kế như sau:

- Vợ ông T là bà Đỗ Thị T, sinh năm 1956 và các con: Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1974; Nguyễn Thanh Kim L, sinh năm 1976; Nguyễn Phước T, sinh năm 1978; Nguyễn Tấn T, sinh năm 1981; Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1983; Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1986; Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1988.

Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Đỗ Thị T trình bày:

Căn nhà và đất 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6, là của bà Nguyễn Thị N tự xây cất, sau đó bà và ông T đã hợp thức hóa căn nhà này.

Đến năm 1985 bà N đã làm thủ tục cho tặng căn nhà và đất này cho chồng bà là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954, chết năm 2020 theo giấy phép ủy quyền chuyển dịch nhà cửa số 184/GP-UB do UBND Quận 6 cấp ngày 16/11/1985.

Bị đơn đã gửi đơn yêu cầu Giám đốc thẩm bản án Phúc thẩm số 473/2020/DS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đến nay chưa có kết quả.

Do bản án Phúc thẩm số 473/2020/DS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật nên bà T chấp hành bản án và đồng ý chia di sản thừa kế của cụ N, di sản thừa kế cũng như những người thừa kế của cụ N như nội dung bản án đã tuyên.

Bà T yêu cầu Tòa án áp dụng giá theo biên bản định giá của Hội đồng định giá UBND Quận 6 đã định ngày 14/4/2022 với giá là 4.082.242.600 đồng, bà T không đồng ý với giá mà CTCP thẩm định giá Việt đã định giá ngày 10/6/2022. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và bị đơn bà Đỗ Thị T cùng thống nhất về di sản thừa kế và những người thừa kế, thừa kế thế vị như trên.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện bị đơn ông Bùi Duy K trình bày: Bị đơn đồng ý với nguyên đơn về di sản thừa kế của cụ N và những người thừa kế, đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định pháp luật. Do bà T và các con đã gìn giữ di sản và hiện đang sinh sống tại nhà số 70 Tân Hòa Đông nên đề nghị được nhận nhà và chia phần thừa kế cho những người thừa kế của cụ N theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Lê Phụng L trình bày:

Ông Lang là con của ông Nguyễn Văn R, vợ ông R chết trước ông R, chết thời gian cụ thể ông Lang không nhớ rõ. Ông R có 06 người con gồm: Bà Lê Thị Q; ông Lê Phụng L; ông Lê Phụng Đ; Ông Nguyễn Hồng K; Bà Nguyễn Thị Kiều O, Bà Nguyễn Thị Như V, sinh năm 1982 – chết năm 2012 (bà V có 02 người con tên Đỗ Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/5/2011 và Đỗ Nguyễn Minh C, sinh ngày 13/10/2012 và chồng là Đỗ Văn B.

Ông Lang thống nhất với nguyên đơn và bị đơn về di sản thừa kế của cụ N, thống nhất về hàng thừa kế, đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định pháp luật, ông

Lang không có yêu cầu chia thừa kế, Tòa án chia bao nhiêu thì ông Lang nhận bấy nhiêu. Ngoài ra ông Lang không có ý kiến gì khác.

Bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: Bà Hiền và bà Loan cùng thống nhất với ý kiến của bà T. Bà Loan và bà Hiền không yêu cầu chia thừa kế, đề nghị Tòa án chia theo quy định pháp luật.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông bà:** Nguyễn Phước T, sinh năm 1978; Nguyễn Tấn T, sinh năm 1981; Nguyễn Thanh Kim L, sinh năm 1976; Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1986; Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1988; Lê Thị Q, Lê Phụng Đ, Nguyễn Hồng K, Nguyễn Thị Kiều O, trẻ Đỗ Nguyễn Minh T, trẻ Đỗ Nguyễn Minh C (có ông Đỗ Văn B người đại diện theo pháp luật), vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia 1/3 di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N cho 03 người con (hàng thừa kế thứ nhất) là ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B theo quy định pháp luật. Đối với những người đã chết thì những người thừa kế thế vị của người đó có quyền nhận thay di sản, di sản gồm có: Quyền sử dụng đất có diện tích 74,5 m² thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 36 tại địa chỉ 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6, số tiền 90.743.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu này của nguyên đơn.

Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc: Tranh chấp dân sự về thừa kế tài sản” đây là tranh chấp dân sự về thừa kế thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nơi bị đơn cư trú theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hà Văn Q có mặt, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đỗ Thị T có ông Bùi Duy K có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Kim L, ông Lê Phụng L có mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước T; bà Nguyễn Thanh Kim L; bà Nguyễn Thị Tuyết N, ông Nguyễn Hữu Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Tấn T, bà Lê Thị Q, ông Lê Phụng Đ, ông Nguyễn Hồng K, bà Nguyễn Thị Kiều O, trẻ Đỗ Nguyễn Minh T, trẻ Đỗ Nguyễn Minh C (có ông Đỗ Văn B người đại

diện theo pháp luật) vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

2. Về yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về di sản thừa kế: Theo Bản án Phúc thẩm số 473/2020/DS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phần quyết định công nhận phần di sản của cụ Nguyễn Thị N gồm có:

Quyền sử dụng đất có diện tích 74,5 m² thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 36 tại địa chỉ 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH16467 ngày 23/5/2013 cho ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T (hiện nay chưa được thu hồi).

Số tiền 90.743.000 đồng (chín mươi triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn) bồi thường giải tỏa phần trước căn nhà 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6

Về những người thừa kế của cụ N: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960, Ông Nguyễn Văn R, đã chết năm 2015; Ông Nguyễn Văn T, đã chết năm 2020.

Di sản thừa kế của cụ N chưa chia và không có di chúc, các đương sự thống nhất với nhau về di sản thừa kế cũng như người thừa kế của cụ N.

Theo biên bản định giá mà Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân Quận 6 đã định ngày 14/4/2022 thì Quyền sử dụng đất ở và sở hữu nhà ở tọa lạc tại địa chỉ 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 74,5 m² thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 36 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH16467 ngày 23/5/2013 cho ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T có giá là 4.082.242.600 đồng, do các bên thống nhất về giá trị nhà và đất nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Biên bản định giá ngày 14/4/2022 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân Quận 6 làm cơ sở để chia thừa kế theo pháp luật.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau”. Do đó, di sản thừa kế của cụ N được chia theo pháp luật như sau:

+ Giá trị nhà và đất số 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6:

4.082.242.600 đồng : 3 phần = 1.360.747.500 đồng/phần.

+ Tiền bồi thường giải tỏa phần trước nhà 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6:

90.743.000 đồng : 3 (người con) = 30.247.600 đồng/phần.

Do cụ N có 3 người con nên mỗi người được hưởng phần di sản bằng nhau, cụ thể như sau:

+ Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Văn T mỗi người được hưởng phần di sản là nhà và đất số 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6 tại thời điểm chia thừa kế là: 1.360.747.500 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Văn T mỗi người được hưởng phần di sản là tiền bồi thường giải tỏa phần trước nhà 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6 là: 30.247.600 đồng.

- Ông Nguyễn Văn T có vợ và 7 người con, ông T chết năm 2020, nên những người thừa kế của ông T gồm có: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1956; Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1981; Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1983; Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1986; Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1978; Bà Nguyễn Thanh Kim L, sinh năm 1976; Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1974; ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1988, mỗi người được hưởng phần thừa kế như nhau, cụ thể:

+ Giá trị nhà và đất số 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6:

Phần nhà và đất ông T được hưởng thừa kế được chia đều cho vợ và 7 người con như sau:

- 1.360.747.500 đồng : 8 phần = 170.093.437 đồng/phần

+ Tiền bồi thường giải tỏa phần trước nhà 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6:

- 30.247.600 đồng : 8 phần = 3.780.950 đồng/phần.

* Mỗi người thừa kế của ông T được hưởng phần bằng nhau là:

- 170.093.437 đồng + 3.780.950 đồng = 173.874.387 đồng/phần

- Ông R có 06 người con gồm: Bà Lê Thị Q; ông Lê Phụng L; ông Lê Phụng Đ; Ông Nguyễn Hồng K; Bà Nguyễn Thị Kiều O, Bà Nguyễn Thị Như V, sinh năm 1982 – chết năm 2012 (bà V có 02 người con tên Đỗ Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/5/2011 và Đỗ Nguyễn Minh C, sinh ngày 13/10/2012 và chồng là Đỗ Văn B.

+ Giá trị nhà và đất số 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6:

Phần nhà và đất ông R được hưởng thừa kế được chia đều cho 6 người con như sau:

- 1.360.747.500 đồng : 6 phần = 226.791.250 đồng/phần

+ Tiền bồi thường giải tỏa phần trước nhà 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6:

- 30.247.600 đồng : 6 phần = 5.041.266 đồng/phần.

+ Mỗi người thừa kế của ông R được hưởng phần bằng nhau là:

- 226.791.250 đồng + 5.041.266 đồng = 231.832.516 đồng/phần

Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống.....* » do đó, những người thừa kế thế vị của chị Nguyễn Thị Như V gồm: Trẻ Đỗ Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/5/2011 và Đỗ Nguyễn Minh C, sinh ngày 13/10/2012; ông Đỗ Văn B là chồng bà V nên được hưởng phần thừa kế giống như các con, cụ thể: Phần di sản thừa kế của bà V được chia đều cho 3 người:

+ Giá trị nhà và đất số 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6:

- 226.791.250 đồng : 3 người = 75.597.083 đồng/phần

- + Tiền bồi thường giải tỏa phần trước nhà 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6:
 - 5.041.266 đồng : 3 người = 1.680.422 đồng/phần
- + Mỗi người thừa kế của bà V được hưởng phần bằng nhau là:
 - 75.597.083 đồng + 1.680.422 đồng = 77.277.505 đồng/phần

Do bản án dân sự Phúc thẩm số 473/2020/DS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa được Thi hành án, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào nội dung của phần Quyết định của bản án làm căn cứ xác định di sản của cụ Nguyễn Thị N và những người thừa kế để giải quyết chia thừa kế theo yêu cầu của đương sự, do đó nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là phù hợp qui định pháp luật và nội dung bản án phúc thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bà Đỗ Thị T có công gìn giữ di sản và không ai có yêu cầu nhận nhà nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nhận nhà và đất số 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6 của bị đơn.

Về chi phí tố tụng: chi phí định giá tài sản là 3.000.000 đồng, bà B tự nguyện chịu toàn bộ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các đương sự phải chịu án phí có giá ngạch tương đương giá trị di sản được hưởng. Bà B và bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí.

Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 288, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 623, Điều 651 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự.
- Điều 2 Luật Người cao tuổi;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B

1.1. Xác định phần di sản thừa kế cụ Nguyễn Thị N là nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH16467 ngày 23/5/2013 cho ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T có diện tích 74,5 m² thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 36 và số tiền 90.743.000 (chín mươi triệu bảy trăm bốn mươi ba

ngàn) đồng tiền bồi thường giải tỏa phần trước căn nhà 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6, hiện đang do bà Đỗ Thị T quản lý.

1.2. Xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị N gồm các ông bà: Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn R (chết năm 2015), Nguyễn Văn T (chết năm 2020).

Xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn R gồm các ông bà:

Lê Thị Q; Lê Phụng L; Lê Phụng Đ; Nguyễn Hồng K; Nguyễn Thị Kiều O; Nguyễn Thị Như V, sinh năm 1982 – chết năm 2012

Xác định những người thừa kế thế vị của bà V: Trử Đỗ Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/5/2011 và Đỗ Nguyễn Minh C, sinh ngày 13/10/2012; Người thừa kế của bà V: ông Đỗ Văn B.

Xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T gồm các ông bà: Đỗ Thị T, sinh năm 1956; Nguyễn Tấn T, sinh năm 1981; Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1983; Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1986; Nguyễn Phước T, sinh năm 1978; Nguyễn Thanh Kim L, sinh năm 1976; Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1974; Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1988.

1.3. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị N theo pháp luật: Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị N được hưởng một suất thừa kế bằng nhau và bằng 1/3 giá trị di sản nhà và đất số 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6 tại thời điểm tuyên án là: 1.360.747.500 (Một tỉ ba trăm sáu mươi triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng/phần và 1/3 của số tiền đền bù giải tỏa phần trước nhà 70 Tân Hòa Đông là 30.247.600 (Ba mươi triệu, hai trăm bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm) đồng/phần.

Chia 1/8 di sản của ông Nguyễn Văn T theo pháp luật: Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T được hưởng một suất thừa kế bằng nhau và bằng 1/8 giá trị di sản di sản nhà và đất số 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6 mà ông T được hưởng từ cụ N tại thời điểm tuyên án là: 170.093.437 (Một trăm bảy mươi triệu không trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi bảy) đồng và 1/8 của số tiền đền bù giải tỏa phần trước nhà 70 Tân Hòa Đông là: 3.780.950 (ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn chín trăm năm mươi) đồng.

Chia 1/6 di sản của ông Nguyễn Văn R theo pháp luật: Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông R được hưởng một suất thừa kế bằng nhau và bằng 1/6 giá trị di sản nhà và đất số 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6 mà ông R được hưởng từ cụ N tại thời điểm tuyên án là: 226.791.250 (Hai trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi một nghìn hai trăm năm mươi) đồng và 1/6 của số tiền đền bù giải tỏa phần trước nhà 70 Tân Hòa Đông là: 5.041.266 (Năm triệu không trăm bốn mươi một nghìn hai trăm sáu mươi sáu) đồng.

Chia 1/3 di sản của bà Nguyễn Thị Như V theo pháp luật: Những người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Như V được hưởng một suất thừa kế bằng nhau và bằng 1/3 giá trị di sản di sản nhà và đất số 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6 mà bà V được

hưởng từ ông R tại thời điểm tuyên án là 75.597.083 (bảy mươi lăm triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn không trăm tám mươi ba) đồng và số tiền bồi thường giải tỏa phần trước nhà 70 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6 là 1.680.422 (Một triệu sáu trăm tám mươi nghìn bốn trăm hai mươi hai) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đỗ Thị T có trách nhiệm giao phần thừa kế cho các đồng thừa kế nêu trên hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại di sản thừa kế để chia cho mỗi đồng thừa kế được hưởng 1/3 giá trị di sản tại thời điểm phát mại. Các đồng thừa kế được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc bà Đỗ Thị T giao nhà đất để thi hành án. Sau khi thi hành án xong bà T được quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chuyển quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Do bà Nguyễn Thị B, bà Đỗ Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trẻ Đỗ Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/5/2011 và Trẻ Đỗ Nguyễn Minh C, sinh ngày 13/10/2012 là trẻ em nên không thuộc trường hợp phải chịu án phí.

Bà Lê Thị Q; ông Lê Phụng L; ông Lê Phụng Đ; ông Nguyễn Hồng K; bà Nguyễn Thị Kiều O mỗi người được hưởng thừa kế tại thời điểm chia thừa kế là 231.832.516 (Hai trăm ba mươi một triệu tám trăm ba mươi hai nghìn năm trăm mười sáu) đồng nên phải chịu án phí là 11.591.626 (Mười một triệu năm trăm chín mươi một nghìn sáu trăm hai mươi sáu) đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Quận 6.

Ông Đỗ Văn B được hưởng thừa kế tại thời điểm chia thừa kế là 77.277.505 (Bảy mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm lẻ năm) đồng nên phải chịu án phí là 3.863.875 (Ba triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi lăm) đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Quận 6.

Ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Tuyết N, ông Nguyễn Phước T, bà Nguyễn Thanh Kim L, bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Hữu Đ mỗi người được hưởng thừa kế tại thời điểm chia thừa kế là 173.874.387 (Một trăm bảy mươi ba triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bảy) đồng nên phải chịu án phí là 8.693.719 (Tám triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm mười chín) đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Quận 6.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Bảy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Bé Bảy